

Bản án số: 55/2023/HS-ST
Ngày 22 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

Ông Vũ Văn Tu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Đinh Thiết H, sinh năm 1986 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: **số nhà A, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** (nơi ĐKKHTT: **phố H, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình**); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đinh Ngọc V** và bà **Nguyễn Thị H1**; có vợ **Lý Thị Thanh T** và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2012/HSST ngày 10/12/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt **Đinh Thiết H** 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng sung quỹ Nhà nước về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, bị cáo đã chấp hành xong; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/3/2023 tại Trại tạm giam **Công an tỉnh N** cho đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị **Lý Thị Thanh T**, sinh năm 1986; nơi cư trú: **số nhà A, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông **Đinh Ngọc V**, sinh năm 1951; nơi cư trú: **phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh **Bùi Thanh T1**, sinh năm 1992; nơi ĐKKHTT: **phố K, phường N,**

thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: số nhà A đường T, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

4. Ông Cao Đức T2, sinh năm 1959; nơi cư trú: số nhà A, đường C, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

5. Anh Mai Đức T3, sinh năm 1988; nơi cư trú: số nhà B, ngõ D đường K, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

6. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1994; nơi cư trú: số nhà A, phố Đ, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đinh Thiết H là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Khoảng tháng 8 năm 2022, H đến khu vực đường X, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình gặp một người đàn ông tên T4 (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) mua 100 viên ma túy tổng hợp có hình trụ tròn, một mặt có chữ LV với giá 10.000.000 đồng để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy, H bỏ cả 100 viên ma túy vào trong 01 hộp nhựa màu xanh có chữ XYLITOL và bỏ tiếp hộp nhựa này vào trong 01 thùng nhựa màu trắng có kích thước (37 x 31 x 27) cm cất giấu ở vị trí cốp sau xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Camry biển kiểm soát 35A-177.87 (là xe H mượn của ông Đinh Ngọc V, bỏ để H để làm phương tiện đi lại). Quá trình mua ma túy về, H đã sử dụng hết 05 viên còn 95 viên H tiếp tục bỏ trong hộp nhựa màu xanh cất giấu vào thùng nhựa trắng tại vị trí cũ trong xe ô tô.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/3/2023, H điều khiển xe ô tô TOYOTA Camry biển kiểm soát 35A-177.87 đi đến khu vực đường C thuộc phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình và dừng xe để gọi điện thoại thì bị tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông, trật tự Công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình thực hiện quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính, đã phát hiện trong xe ô tô do H điều khiển có 95 viên ma túy tổng hợp, hình trụ tròn, một mặt có chữ LV để trong hộp nhựa màu xanh, đặt trong 01 thùng nhựa màu trắng tại vị trí cốp sau xe ô tô TOYOTA Camry biển kiểm soát 35A-177.87. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ của H 95 viên ma túy; 01 hộp nhựa màu xanh; 01 thùng nhựa màu trắng; 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Đinh Thiết H; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho xe ô tô TOYOTA Camry biển kiểm soát 35A-177.87; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím (trong máy

có lắp sim số thuê bao 0915.315.665); 01 xe ô tô TOYOTA Camry, màu đen biển kiểm soát 35A-177.87.

Ngoài ra trong quá trình làm việc, **Đinh Thiết H** đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 05 hợp đồng cho cá nhân vay tiền (gồm 03 hợp đồng cho **Cao Đức T2** vay tiền ngày 11/11/2020; ngày 17/12/2020; ngày 10/5/2021); 01 hợp đồng cho **Mai Đức T3** vay tiền ngày 15/11/2020 số tiền 20.000.000 đồng; 01 hợp đồng cho **Nguyễn Thị H2** vay tiền ngày 07/02/2021, số tiền 35.000.000 đồng và 02 giấy vay tiền của **Cao Đức T2** ngày 06/11/2020 vay 20.000.000 đồng, ngày 20/5/2022 vay 140.000.000 đồng); 01 Giấy vay tiền của **Bùi Thanh T1** ngày 22/02/2022, số tiền vay 35.000.000 đồng; 01 phiếu lĩnh lương hưu trợ cấp bảo hiểm xã hội (bản phô tô); 01 bộ biển kiểm soát ô tô 80A-363.68 (chữ và số màu trắng, nền màu xanh); 01 chiếc USB màu tím, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 32GB; 01 thẻ đảng viên số 88.168.389 mang tên **Đinh Thiết H**; 05 chiếc tem hình tròn có chữ “**Cục Đ - Bộ G**”; 22 tem hình tròn có chữ “Quỹ bảo trì đường bộ TW- Văn phòng quỹ, in tại **Công ty cổ phần I** tài chính”; 287 tem bảo an hình tròn có chữ “**Bộ C1** 2023 vé phí đường bộ toàn quốc”; 01 vé “ phí đường bộ toàn quốc năm 2019”; 01 vé “ phí đường bộ toàn quốc năm 2020”; 01 vé “ phí đường bộ toàn quốc năm 2022”; 01 vé “ phí đường bộ toàn quốc năm 2023”; 09 tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **Đinh Thiết H** tại **số A, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** không thu giữ thêm đồ vật, tài liệu gì.

Kiểm tra điện thoại di động Iphone 14 thu giữ của **H** không phát hiện các dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội.

Khám xe ô tô TOYOTA Camry, biển kiểm soát 35A-177.87 do **H** điều khiển, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 tem kiểm định có chữ “**Bộ C1** CSGT 12/23”, mặt sau tem kiểm định ghi “No: BB 0135598, biển số đăng ký 80A-363.68” được dán trên kính xe ô tô Camry.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng 95 viên nén màu xanh, hình trụ tròn thu giữ của **Đinh Thiết H**, kết quả: 95 viên nén hình trụ có khối lượng 46,56 gam. Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong lại theo quy định và ra quyết định trưng cầu giám định khối lượng và loại ma túy. Lấy mẫu xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy đối với **Đinh Thiết H**, kết quả xác định **H** (+) dương tính với ma túy MDMA, Methamphetamine, Ketamine.

Tại Bản kết luận giám định số: 279/KL-KTHS-MT ngày 03/4/2023 của **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận: “ *Mẫu gửi giám định gồm 95 viên nén hình tròn, màu xanh trên mặt mỗi viên đều có chữ “LV” có tổng khối lượng 46,56*

gam, đều là ma túy loại Methamphetamine (Methamphetamine là chất ma túy thuộc Bảng danh mục IIC, số thứ tự 27, Nghị định: 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

Kết quả điều tra, xác minh các tài liệu thu giữ của **Đinh Thiết H** xác định, ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, **Đinh Thiết H** còn có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, cụ thể như sau:

2. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022 để có tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân, **Đinh Thiết H** đã cho 04 người vay với tổng số tiền là 670.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày = 108%/năm gấp 5,4 lần; 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày = 144%/năm gấp 7,2 lần; 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày = 180%/năm gấp 09 lần mức lãi suất 20% quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền là 255.093.493 đồng. Việc vay tiền và trả lãi được thực hiện chủ yếu thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng và có viết hợp đồng, giấy vay tiền, cụ thể:

2.1 Cho ông **Cao Đức T2** vay 03 lần với tổng số tiền 80.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

- **Lần thứ 1:** Ngày 06/11/2020, **H** cho ông **T2** vay số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn trả lãi là 30 ngày trả 01 lần cho đến khi trả hết gốc, số tiền lãi phải trả cho 30 ngày vay của số tiền trên là 2.400.000 đồng. Tính đến ngày 06/5/2021, ông **T2** đã chuyển khoản trả cho **H** số tiền lãi của 180 ngày vay là: 20.000.000 đồng x 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 180 ngày = 14.400.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà ông **T2** phải trả cho **H** là 20%/năm/365 ngày x 180 ngày x 20.000.000 đồng = 1.972.000 đồng, số tiền **H** thu lợi bất chính là 14.400.000 đồng - 1.972.000 đồng = 12.427.400 đồng. Số tiền gốc ông **T2** còn nợ **H** là 20.000.000 đồng.

- **Lần thứ 2:** Ngày 11/11/2020, **H** cho ông **T2** vay số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn trả lãi là 30 ngày trả 01 lần cho đến khi trả hết gốc, số tiền lãi phải trả cho 30 ngày vay của số tiền trên là 2.400.000 đồng. Tính đến ngày 10/5/2021, ông **T2** đã chuyển khoản trả cho **H** số tiền lãi của 180 ngày vay là: 20.000.000 đồng x 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 180 ngày = 14.400.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà ông **T2** phải trả cho **H** là 20%/năm/365 ngày x 180 ngày x 20.000.000 đồng = 1.972.000 đồng, số tiền **H** thu lợi bất chính là

14.400.000 đồng - 1.972.000 đồng = 12.427.400 đồng. Số tiền gốc ông T2 còn nợ H là 20.000.000 đồng.

- **Lần thứ 3:** Ngày 17/12/2020, H cho ông T2 vay số tiền 40.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn trả lãi, gốc tương tự như các khoản vay trên. Số tiền lãi phải trả cho 30 ngày vay của số tiền trên là 4.800.000 đồng. Tính đến ngày 10/5/2021, ông T2 đã chuyển khoản và trả tiền mặt cho H số tiền lãi của 150 ngày vay là: 40.000.000 đồng x 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 150 ngày = 24.000.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà ông T2 phải trả cho H là 20%/năm/365 ngày x 150 ngày x 40.000.000 đồng = 3.287.000 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 24.000.000 đồng - 3.287.000 đồng = 20.712.300 đồng. Số tiền gốc ông T2 còn nợ H là 40.000.000 đồng.

Do sau ngày 10/5/2021, cả 03 khoản vay trên của ông T2 đều chưa trả được tiền gốc và tiền lãi cho H nên ngày 20/5/2022, H và ông T2 đã gặp nhau thỏa thuận, tiền lãi của ông T2 từ ngày 10/5/2021 đến ngày 15/01/2022 tổng cộng là 250 ngày vay với mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; thời gian còn lại từ sau ngày 15/01/2022 đến ngày 20/5/2022, H không tính lãi. Vì vậy số tiền lãi theo thỏa thuận ông T2 phải trả cho H từ ngày 10/5/2021 đến ngày 15/01/2022 là: 80.000.000 đồng x 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 250 ngày = 60.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi ông T2 phải trả cho H là 140.000.000 đồng. Sau khi thống nhất, ông T2 viết giấy vay tiền trong đó ghi rõ còn nợ H cả gốc và lãi là 140.000.000 đồng và cam kết trả hết số tiền trên trong vòng 05 tháng kể từ ngày viết giấy vay. Tính đến ngày 22/3/2023, ông T2 đã chuyển khoản trả cho H số tiền lãi là 21.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 39.000.000 đồng tiền lãi và 80.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy theo thỏa thuận về lãi suất và thời hạn tính lãi như trên thì số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà ông T2 phải trả là 20%/năm/365 ngày x 250 ngày x 80.000.000 đồng = 10.958.900 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 49.041.100 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi theo thỏa thuận mà ông T2 phải trả cho H cả 03 lần vay là 112.800.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự ông T2 phải trả là 18.191.800 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính của ông T2 là 94.608.200 đồng. Ông T2 còn nợ H số tiền gốc là 80.000.000 đồng và 39.000.000 đồng tiền lãi.

2.2 Cho anh Mai Đức T3 vay 04 lần với tổng số tiền 520.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

- **Lần thứ 1:** Ngày 15/11/2020, H cho anh T3 vay số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay là 30 ngày, thời hạn trả lãi là 15 ngày trả 01 lần, tương ứng với số tiền lãi phải trả

là 1.500.000 đồng. Tính đến ngày 15/12/2020, anh **T3** đã trả số tiền gốc cho **H** 20.000.000 đồng và số tiền lãi của 30 ngày vay là: 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà anh **T3** phải trả cho **H** là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} \times 20.000.000 \text{ đồng} = 328.800 \text{ đồng}$, số tiền **H** thu lợi bất chính là $3.000.000 \text{ đồng} - 328.800 \text{ đồng} = 2.671.200 \text{ đồng}$.

- **Lần thứ 2:** Ngày 24/4/2021, **H** cho anh **T3** vay số tiền 150.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay từ ngày 24/4/2021 đến ngày 24/10/2021, thời hạn trả lãi là 15 ngày trả 01 lần, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 11.250.000 đồng. Tính đến ngày 24/6/2021, anh **T3** đã chuyển khoản trả cho **H** số tiền lãi của 60 ngày vay là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 60 \text{ ngày} = 45.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà anh **T3** phải trả cho **H** là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} \times 150.000.000 \text{ đồng} = 4.931.500 \text{ đồng}$, số tiền **H** thu lợi bất chính là $45.000.000 \text{ đồng} - 4.931.500 \text{ đồng} = 40.068.500 \text{ đồng}$. Ngày 10/4/2022, anh **T3** đã trả hết tiền gốc cho **H**. Số tiền lãi từ ngày 24/6/2021 đến ngày 10/4/2022, **H** không tính lãi cho anh **T3**.

- **Lần thứ 3:** Ngày 21/5/2021, **H** cho anh **T3** vay số tiền 150.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay từ ngày 21/5/2021 đến ngày 21/11/2021, thời hạn trả lãi là 15 ngày trả 01 lần, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 11.250.000 đồng. Tính đến ngày 21/7/2021, anh **T3** đã chuyển khoản trả cho **H** số tiền lãi của 60 ngày vay là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 60 \text{ ngày} = 45.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà anh **T3** phải trả cho **H** là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} \times 150.000.000 \text{ đồng} = 4.931.500 \text{ đồng}$, số tiền **H** thu lợi bất chính là $45.000.000 \text{ đồng} - 4.931.500 \text{ đồng} = 40.068.500 \text{ đồng}$. Ngày 10/4/2022, anh **T3** đã trả hết tiền gốc cho **H**. Số tiền lãi từ ngày 21/7/2021 đến ngày 10/4/2022, **H** không tính lãi cho anh **T3**.

- **Lần thứ tư:** Ngày 27/6/2021, **H** cho anh **T3** vay số tiền 200.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay từ ngày 27/6/2021 đến ngày 27/12/2021, thời hạn trả lãi là 15 ngày trả 01 lần, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 11.250.000 đồng. Tính đến ngày 27/7/2021, anh **T3** đã chuyển khoản và trả bằng tiền mặt cho **H** số tiền lãi của 30 ngày vay là 30.000.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà anh **T3** phải trả cho **H** là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} \times 200.000.000 \text{ đồng} = 3.287.700 \text{ đồng}$, số tiền **H** thu lợi bất chính là $30.000.000 \text{ đồng} - 3.287.700 \text{ đồng} = 26.712.300 \text{ đồng}$. Ngày 20/3/2022, anh **T3** đã trả hết tiền gốc cho **H**. Số tiền lãi từ ngày 27/7/2021 đến ngày anh **T3** trả hết tiền gốc thì **H** không tính lãi cho anh **T3**.

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận anh **T3** phải trả cho **H** đối với 04 lần vay

là 123.000.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự anh **T3** phải trả là: 13.479.500 đồng. Số tiền **H** thu lợi bất chính của anh **T3** là 109.520.500 đồng. Anh **T3** đã trả đủ cho **H** toàn bộ tiền gốc, tiền lãi của 04 lần vay trên.

2.3 Cho chị **Nguyễn Thị H2** vay 02 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

- **Lần thứ 1:** Ngày 18/9/2020, **H** cho chị **H2** vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay là 30 ngày, thời hạn trả lãi là 15 ngày trả 01 lần, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 1.350.000 đồng. Tính đến ngày 06/02/2021, chị **H2** đã chuyển khoản trả cho **H** số tiền lãi của 135 ngày vay là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 3.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 135 \text{ ngày} = 12.150.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà chị **H2** phải trả cho **H** là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 135 \text{ ngày} \times 30.000.000 \text{ đồng} = 2.219.200 \text{ đồng}$, số tiền **H** thu lợi bất chính là 12.150.000 đồng - 2.219.200 đồng = 9.930.800 đồng. Số tiền gốc chị **H2** còn nợ **H** là 30.000.000 đồng.

- **Lần thứ 2:** Ngày 07/02/2021, **H** cho chị **H2** vay số tiền 5.000.000 đồng, do chị **H2** chưa trả số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay ngày 18/9/2020 nên **H** lập 01 hợp đồng vay tiền mới với nội dung chị **H2** vay số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 07/02/2021, thời hạn trả lãi là 15 ngày trả 01 lần, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 1.575.000 đồng. Tính đến ngày 01/6/2021, chị **H2** đã chuyển khoản trả cho **H** số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi của 115 ngày vay là: $35.000.000 \text{ đồng} \times 3.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 115 \text{ ngày} = 12.075.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà chị **H2** phải trả cho **H** là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 115 \text{ ngày} \times 305000.000 \text{ đồng} = 2.205.500 \text{ đồng}$, số tiền **H** thu lợi bất chính là 12.075.000 đồng - 2.205.500 đồng = 9.869.500 đồng. Số tiền gốc chị **H2** còn nợ **H** là 15.000.000 đồng. Do chị **H2** khó khăn nên từ ngày 01/6/2021 **H** không tính lãi số tiền gốc 15.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu chị **H2** trả hết tiền gốc trong thời hạn 03 tháng. Tính đến ngày 02/3/2023, chị **H2** đã trả cho **H** số tiền gốc là 7.580.000 đồng, còn nợ 7.420.000 đồng.

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận chị **H2** phải trả cho **H** đối với 02 lần vay là 24.225.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự chị **H2** phải trả là: 4.424.600 đồng. Số tiền **H** thu lợi bất chính của chị **H2** là 19.800.400 đồng. Chị **H2** đã trả 27.580.000 đồng tiền gốc và 24.225.000 đồng tiền lãi cho **H**, còn nợ tiền gốc là 7.420.000 đồng.

2.4 Cho anh **Bùi Thanh T1** vay số tiền 35.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Ngày 22/02/2022, **H** cho anh **T1** vay số tiền 35.000.000 đồng với mức lãi

suất cho vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn trả lãi là 10 ngày trả 01 lần, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 1.750.000 đồng. Ngày 14/9/2022, anh T1 trả cho H số tiền gốc đã vay là 35.000.000 đồng. Về số tiền lãi theo thỏa thuận tính từ ngày vay đến ngày 14/89/2022 anh T1 phải trả cho H là 200 ngày vay tương ứng với số tiền là: $35.000.000 \text{ đồng} \times 5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 200 \text{ ngày} = 35.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự mà anh T1 phải trả cho H là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 135 \text{ ngày} \times 35.000.000 \text{ đồng} = 3.835.600 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là $35.000.000 \text{ đồng} - 3.835.000 \text{ đồng} = 31.164.400 \text{ đồng}$. Anh T1 đã trả lãi cho H bằng chuyển khoản và tiền mặt số tiền 31.300.000 đồng, còn nợ 3.700.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền H cho 04 người vay là 670.000.000 đồng, số tiền gốc người vay đã trả cho H là 582.580.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 87.420.000 đồng. Số tiền lãi theo thỏa thuận với người vay phải trả cho H là 295.024.500 đồng, số tiền lãi người vay đã trả cho H là 252.324.500 đồng, còn nợ H là 42.700.000 đồng, trong đó số tiền lãi người vay phải trả tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 39.931.600 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 255.092.900 đồng.

Quá trình điều tra anh Mai Đức T3 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản sao kê tài khoản Ngân hàng T5 - Chi nhánh N của anh T3 thể hiện số tiền lãi đã chuyển khoản trả cho H là 123.000.000 đồng và 03 hợp đồng cho cá nhân vay tiền, người cho vay Đinh Thiết H, người vay Mai Đức T3 (gồm hợp đồng ngày 24/4/2021 vay số tiền 150.000.000 đồng; ngày 21/5/2021 vay số tiền 150.000.000 đồng; ngày 27/6/2021 vay số tiền 200.000.000 đồng); 01 giấy nhận tiền với nội dung Mai Đức T3 đã thanh toán đủ số tiền gốc của 03 lần vay cho H. Ông Cao Đức T2 giao nộp 19 giấy nộp tiền vào tài khoản Đinh Thiết H để trả lãi với tổng số tiền đã trả là 53.200.000 đồng; 02 giấy biên nhận trả lãi bằng tiền mặt với tổng số tiền 4.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H2 giao nộp 03 bản sao kê tài khoản ngân hàng (gồm Ngân hàng L, Ngân hàng V1, Ngân hàng T5 - Chi nhánh N) với tổng số tiền lãi đã chuyển khoản trả cho H là 21.605.000 đồng. Anh Bùi Thanh T1 giao nộp 01 bản sao kê tài khoản Ngân hàng B - Chi nhánh T6 với tổng số tiền lãi đã chuyển khoản trả cho H là 18.300.000 đồng.

Kết quả xác minh số tài khoản 14023970442017 của Đinh Thiết H mở tại Ngân hàng T5 - Chi nhánh N và xác minh các giao dịch trong sao kê tài khoản của H xác định: Tổng số tiền lãi 04 người vay đã chuyển khoản trả vào tài khoản của Đinh Thiết H là 216.105.000 đồng. Sau khi nhận tiền lãi, H đã rút hết ra chi tiêu, sử dụng cho cá nhân nên số tiền H thu lợi không còn trong tài khoản, hiện số dư tài khoản của H là 0 đồng.

3. Hành vi làm giả tài liệu, giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức.

Năm 2006, Đinh Thiết H được kết nạp vào Đ1 và sinh hoạt đảng tại Ngân

hàng D - chi nhánh N. Năm 2012, H bị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và đã bị khai trừ ra khỏi Đảng. Vì vậy năm 2019, H nảy sinh ý định làm giả thẻ Đảng viên mang tên Đinh Thiết H để sử dụng cho cá nhân. H lên mạng internet tải hình ảnh thẻ Đảng viên về máy tính và dùng phần mềm Corel draw chỉnh sửa, ghi thông tin cá nhân của H ở phần mặt trước của thẻ Đảng viên với các nội dung: Đinh Thiết H, sinh ngày 24/8/1986, quê quán: P. V, TP., T. N, số thẻ 88.168.389, vào đảng ngày 02/5/2014, chính thức ngày 02/5/2014. Nơi cấp thẻ: Đảng bộ tư lệnh Cảnh vệ, ngày 9 tháng 7 năm 2015, sửa xong thông tin phần mặt trước, H dùng phần mềm Photoshop ghép ảnh H mặc trang phục công an nhân dân với KT (2 x 3) cm để dán vào mặt trước thẻ Đảng viên giả có ghi thông tin của H, phần mặt sau thẻ Đảng viên giả có nền màu đỏ, hình búa liềm, chân dung chủ tịch Hồ Chí Minh thì H giữ nguyên. Sau khi đã hoàn thiện các công đoạn trên máy tính, H copy phơi thẻ Đảng viên giả vào 01 chiếc USB mang ra quán phở tô (không nhớ quán nào) để in thẻ Đảng viên ra. Tuy nhiên khi in thẻ Đảng viên giả ra, H nhận thấy phần mặt sau của thẻ Đảng viên giả (phần nền màu đỏ có hình búa liềm và chân dung chủ tịch Hồ Chí M) không có dấu chìm của Đảng bộ cấp thẻ. Vì vậy để thẻ Đảng viên của mình giống thẻ thật, tránh bị phát hiện, H đã về nhà vợ chồng H đang ở tại số A, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình lấy thẻ Đảng viên thật của vợ là Lý Thị Thanh T do Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cấp ngày 02/9/2011 mang ra bóc tách làm 02 phần trong đó H lấy phần mặt sau màu đỏ có in hình búa liềm và chân dung chủ tịch Hồ Chí M dán vào phần mặt sau thẻ Đảng viên giả của H rồi ép plastic cả mặt trước và mặt sau thành 01 thẻ Đảng viên mang tên Đinh Thiết H. Để tránh bị vợ phát hiện, H tiếp tục làm giả thẻ Đảng viên của chị T bằng cách lấy mặt sau màu đỏ có hình búa liềm và chân dung chủ tịch Hồ Chí M mà H đã làm giả trước đó dán lên mặt sau thẻ Đảng viên của chị T sau đó H ép platstic cả mặt trước và mặt sau lại thẻ Đảng viên mang tên Lý Thị Thanh T và cất vào vị trí cũ cho chị T. Đối với thẻ Đảng viên giả mang tên mình, H cất vào chiếc ví da để trong hộp chứa đồ của xe ô tô cho đến ngày 28/3/2023 thì bị phát hiện, thu giữ.

Ngày 10/5/2023, Cơ quan điều tra đã làm việc với Ban T7 để xác minh và thu thập thẻ đảng viên thật làm căn cứ giám định. Đồng thời có công văn gửi Đảng bộ Tư lệnh cảnh vệ Bộ C1 để làm rõ thẻ đảng viên của Đinh Thiết H. Ngày 22/5/2023, Bộ Tư lệnh cảnh vệ Bộ C1 đã có văn bản số: 1340/K01-P2 trả lời: Tại K01 không có cán bộ, đảng viên nào mang tên Đinh Thiết H, sinh ngày 24/8/1986, quê quán: P. V, TP., T. N. Ngày 12/6/2023, chị T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 thẻ đảng viên số 15.057911, đề ngày 02/9/2022 mang tên Lý Thị Thanh T.

Cơ quan điều tra xác định ngoài các hành vi phạm tội như trên từ năm 2019 đến năm 2023, **Đinh Thiết H** còn đặt mua trên mạng xã hội facebook 01 bộ biển số giả 80A-363.68 (biển xanh) để gắn vào ô tô TOYOTA nhãn hiệu Camrym, biển kiểm soát 35A-177.87 khi lưu thông trên đường; 287 tem hình tròn ghi chữ “**Bộ C1** - Vé phí đường bộ toàn quốc” và 01 vé “phí đường bộ toàn quốc năm 2019” giả để sử dụng khi đi qua các trạm thu phí đường bộ trên tuyến cao tốc Ninh Bình - Hà Nội. Sau đó **H** lên mạng Internet tải hình mẫu tem, vé thật về máy tính cá nhân rồi sử dụng phần mềm Corel draw và phần mềm photoshop để chỉnh sửa thông tin trên tem, vé cho phù hợp với thông tin kích thước của tem, vé thật và điền năm sản xuất vé tương ứng với thời điểm **H** sử dụng. Sau khi làm xong các công đoạn sao chép, chỉnh sửa **H** copy phôi tem, vé vào USB và mang ra quán phôi tô trên **đường L** (không nhớ tên quán) để in ra giấy A4, cắt thành nhiều vé, phí với các năm sử dụng khác nhau. Với phương pháp làm tem, vé giả nêu trên từ năm 2020 đến năm 2023, **H** đã làm giả 01 “vé phí đường bộ toàn quốc năm 2020”; 01 “vé phí đường bộ toàn quốc năm 2022”; 01 “vé phí đường bộ toàn quốc năm 2023” và 05 tem hình tròn có chữ “**Cục Đ - Bộ G**”; 22 tem hình tròn có chữ “Quỹ bảo trì đường bộ TW - Văn phòng quỹ”; 10 tem kiểm định an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường. Sau khi in ra, **H** sử dụng 01 tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có chữ “BỘ CÔNG AN CSGT 12/23, mặt sau tem kiểm định ghi dòng chữ và số: “No: BB0135598”, biển số đăng ký 80A-363.68” dán lên kính xe ô tô TOYOTA, nhãn hiệu Camry và sử dụng cùng với biển số giả 80A-363.68 khi lưu thông trên đường.

Ngày 19/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** ra quyết định trưng cầu giám định thẻ đảng viên số 88.168.389 đề ngày 09/7/2015 mang tên **Đinh Thiết H** và các tem, vé thu giữ của **H**.

Tại Bản kết luận giám định số: 538/KL-KTHS-TL ngày 27/6/2023 của **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận:

“1. Thẻ đảng viên số 88.168.389 đề ngày 09/7/2015 mang tên **Đinh Thiết H**, ký hiệu A1 gửi giám định là thẻ đảng viên giả, được làm giả một phần cụ thể:

- Mặt trước (mặt có ghi nội dung thông tin cá nhân) “Thẻ đảng viên” số 88.168.389 đề ngày 09/7/2015 mang tên **Đinh Thiết H** là giả được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Mặt sau (mặt nền màu đỏ có in hình búa liềm và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh) là thật.

2. 287 tem bảo an hình tròn có nội dung “**Bộ C1** 2023, vé phí đường bộ toàn quốc” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 đến A18; A28 so với tem hình tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 không cùng các phương pháp in ra.

3. 22 tem hình tròn có nội dung “Quỹ bảo trì đường bộ TW - Văn phòng

quỹ, in tại **Công ty cổ phần T8**” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A19 đến A23; A25; A26 so với tem hình tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 không cùng các phương pháp in in ra.

4. 05 tem hình tròn có nội dung **“Bộ G - Cục Đ”** trên tài liệu cần giám định ký hiệu A24; A28 so với tem hình tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 không cùng các phương pháp in in ra.

5. Tem hình tròn có nội dung **“Bộ G**, in tại **Công ty cổ phần I** tài chính” trên tài liệu cần giám định ký hiệu 27 so với tem hình tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 không cùng các phương pháp in in ra.

6. Tem hình vuông có nội dung **“Bộ C1 - 2022 - vé phí đường bộ toàn quốc”** trên tài liệu cần giám định ký hiệu A27 so với tem hình vuông có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 không cùng các phương pháp in in ra.

7. Vé “**phí đường bộ toàn quốc năm 2019**” ký hiệu A25 so với “**vé phí đường bộ toàn quốc năm 2019**” ký hiệu M2 không cùng các phương pháp in in ra.

8. Vé “**phí đường bộ toàn quốc năm 2020**” ký hiệu A26 so với “**vé phí đường bộ toàn quốc năm 2020**” ký hiệu M3 không cùng các phương pháp in in ra.

9. Vé “**phí đường bộ toàn quốc năm 2022**” ký hiệu A27 so với “**vé phí đường bộ toàn quốc năm 2022**” ký hiệu M4 không cùng các phương pháp in in ra.

10. Vé “**phí đường bộ toàn quốc năm 2023**” ký hiệu A28 so với “**vé phí đường bộ toàn quốc năm 2023**” ký hiệu M5 không cùng các phương pháp in in ra.

11. 10 “**Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường** ký hiệu A29 đến A38 so với 02 mẫu in tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” ký hiệu M6, M7 không cùng các phương pháp in in ra”.

Ngày 23/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** ra quyết định trưng cầu giám định đối với thẻ đảng viên số 15.057911 đề ngày 02/9/2011 mang tên **Lý Thị Thanh T**.

Tại Bản kết luận giám định số: 539/KL-KTHS-TL ngày 27/6/2023 của **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận:

“1. Mặt trước (mặt ghi có nội dung thông tin cá nhân) “**Thẻ đảng viên**” số 15.057911 đề ngày 02/9/2011 mang tên **Lý Thị Thanh T**, ký hiệu A39 là thật.

2 Mặt sau (mặt nền màu đỏ có in hình búa liềm và chân dung Chủ tịch **Hồ Chí M**) “**Thẻ đảng viên**” số 15.057911 đề ngày 02/9/2011 mang tên **Lý Thị Thanh T**, ký hiệu A39 là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu”.

Ngày 22/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** ra quyết định

trung cầu giám định đối với 01 bộ biển kiểm soát ô tô 80A-363.68 (chữ và số màu trắng, nền màu xanh) thu giữ trên xe ô tô TOYOTA, nhãn hiệu Camry của H.

Tại Bản kết luận giám định số: 705/KL-KTHS-CH ngày 06/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: “Bộ biển số xe ô tô 80A-363.68 gồm 02 biển số dài gửi giám định không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp (là bộ biển số xe ô tô giả)”.

Đối với chiếc USB màu tím, nhãn hiệu Kingston 32GB thu giữ của H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã ra quyết định trưng cầu giám định hình ảnh, dữ liệu trong USB.

Tại Bản kết luận giám định số: 526/KL-KTHS-TL ngày 26/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: “Tìm thấy 47 hình ảnh lưu trữ trong USB gửi giám định. Sao lưu dữ liệu hình ảnh sang 01 đĩa DVD-R nhãn hiệu maxell màu vàng, dung lượng 4,7GB”.

Sau khi nhận kết luận giám định Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã tiến hành mở niêm phong đĩa DVD-R và in ra giấy A4 đưa vào hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: 02 phôi tem hình tròn có nội dung “Quỹ bảo trì đường bộ TW-Văn phòng quỹ”; 01 phôi tem kiểm định an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường; 04 phôi tem vé, phí đường bộ toàn quốc, 06 phôi trắng hình chữ nhật chưa ghi nội dung.

*** Xử lý đồ vật, vật chứng:**

- Đối với 01 thẻ đảng viên số 88.168.389 mang tên Đinh Thiết H và 01 thẻ đảng viên số 15.057.911 mang tên Lý Thị Thanh T; 05 hợp đồng cho cá nhân vay tiền; 03 giấy vay tiền, 01 phiếu lĩnh lương hưu trợ cấp bảo hiểm xã hội; 01 chiếc USB, màu tím nhãn hiệu Kingston 32GB; 287 tem hình tròn có chữ “Bộ C1 - Vé phí đường bộ toàn quốc” và 01 vé phí đường bộ toàn quốc năm 2019 thu giữ của Đinh Thiết H được đưa vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, Camry biển kiểm soát 35A-177.87 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho xe ô tô Camry. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T9 có trụ sở tại số G, đường L, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình do ông Đinh Ngọc V (bố bị cáo H) là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Từ năm 2019 đến nay ông V cho H mượn xe ô tô Camry để làm phương tiện đi lại, việc H sử dụng chiếc xe ô tô trên để cất giấu trái phép chất ma túy, ông V không biết, không tham gia. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã ra quyết định trả lại cho ông Đinh Ngọc V chiếc xe ô tô trên cùng Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS-P1 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo **Đinh Thiết H** về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy; Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 249; điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 341; khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo **Đinh Thiết H** đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Đinh Thiết H** phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy; Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm c khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự); khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo **Đinh Thiết H** từ 10 đến 11 năm tù; đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Đinh Thiết H** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 12 năm đến 13 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/3/2023. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, miễn hình phạt bổ sung bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo **Đinh Thiết H** trả lại số tiền **212.392.900 đồng** cho 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể như sau:

- + Ông **Cao Đức T2** số tiền 55.608.200 đồng
- + Anh **Mai Đức T3** số tiền 109.520.000 đồng
- + Chị **Nguyễn Thị H2** số tiền 19.800.300 đồng
- + Anh **Bùi Thanh T1** số tiền 27.464.400 đồng

Tiếp tục quản lý số tiền 260.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

+ Đối với số tiền lãi 42.700.000 đồng gồm: ông **Cao Đức T2** số tiền 39.000.000 đồng + anh **Bùi Thanh T1** số tiền 3.700.000 đồng đang nợ lại bị cáo **Đinh Thiết H** do đây là tiền thu lợi bất chính, theo quy định của pháp luật bị cáo **H** phải trả lại cho ông **T2** và anh **T1**. Do ông **T2**, anh **T1** chưa thanh toán cho bị cáo **H** nên bị cáo **H** không phải trả lại cho ông **T2** và anh **T1**.

* Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu ông **Cao Đức T2** số tiền 80.000.000 đồng; chị **Nguyễn Thị H2** số tiền 7.420.000 đồng sung ngân sách Nhà nước

- Truy thu bị cáo **Đinh Thiết H** số tiền 622.511.600 đồng sung ngân sách Nhà nước (gồm 582.580.000 đồng tiền gốc bị cáo **H** đã sử dụng vào việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự + 39.931.600 đồng tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của 04 người vay)

- Trả lại cho bị cáo **Đinh Thiết H** 01 giấy phép lái xe số 370070022234 mang tên **Đinh Thiết H** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím nhưng giữ lại điện thoại di động để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi niêm phong còn nguyên vẹn, trên mặt phong bì có ghi: Mẫu vật hoàn trả gồm: Chất bột màu xanh được nghiền ra từ các viên nén màu xanh còn lại trong mẫu gửi giám định có khối lượng 45,53 gam, là ma túy loại Methamphetamine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 thùng nhựa màu trắng, tay nắm màu đen.

Bị cáo **Đinh Thiết H** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản luận giám định số: 279/KL-KTHS-MT ngày 03/4/2023 của **Phòng K Công an tỉnh N**; các Bản luận giám định số 526/KL-KTHS-TL ngày 26/6/2023; số 538 KL-KTHS-TL ngày 27/6/2023; số 539/KL-KTHS-TL ngày 27/6/2023 của **Phòng K Công an tỉnh N**; các bản sao kê tài khoản Ngân hàng, các Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, giấy

nhận tiền, các giấy nộp tiền vào tài khoản của **Đinh Thiết H** do 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã giao nộp gồm anh **T3**, chị **H2**, ông **T2**, anh **T1** và kết quả xác minh tài khoản của **Đinh Thiết H** mở tại **Ngân hàng T5 - Chi nhánh N** cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/3/2023, tại khu vực **đường C thuộc phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình**, **Đinh Thiết H** đã có hành vi cất giấu trái phép 46,56 gam ma túy loại Methamphetamine trong cốp sau xe ô tô TOYOTA, nhãn hiệu Camry, biển kiểm soát 35A-177.87 do **H** điều khiển nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của **Đinh Thiết H** đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2022, **Đinh Thiết H** đã cho 04 người vay với tổng số tiền 670.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày = 108%/năm gấp 5,4 lần; 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày = 144%/năm gấp 7,2 lần, đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày = 180%/năm gấp 9 lần mức lãi suất 20% quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Số tiền gốc người vay đã trả cho **H** là 582.580.000 đồng, số tiền gốc còn nợ lại là 87.420.000 đồng; số tiền lãi theo thỏa thuận với người vay phải trả cho **H** là 295.024.500 đồng, số tiền lãi người vay đã trả cho **H** là 252.324.500 đồng, còn nợ **H** là 42.700.000 đồng, trong đó số tiền lãi người vay phải trả tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 39.931.600 đồng, số tiền **H** thu lợi bất chính là 255.092.900 đồng. Hành vi của bị cáo **Đinh Thiết H** đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thuộc trường hợp “*thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Năm 2019, **Đinh Thiết H** sử dụng phần mềm Corel draw và phần mềm photoshop để làm giả 01 thẻ đảng viên mang tên **Đinh Thiết H** của Đảng bộ Tư lệnh cảnh vệ **Bộ C1** và 01 thẻ đảng viên mang tên **Lý Thị Thanh T** của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo **Đinh Thiết H** đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp “*Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

.....

c) Heroine, **C**, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

.....

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo **Đinh Thiết H** với các tội danh và các điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật được chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo **Đinh Thiết H** thuộc tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và sự phát triển bình thường của giống nòi, làm khánh kiệt về kinh tế của người sử dụng ma túy. Hành vi của bị cáo còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về mọi mặt trong xã hội. Đồng thời hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, chỉ vì háms lợi, muốn có lợi nhuận cao nên bị cáo **H** đã nhiều lần cho nhiều người vay tiền lấy lãi cao vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự và **Ngân hàng N1**. Các hành vi trên của bị cáo đã gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù trong cáo trạng cũng như tại phần luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình xác định bị cáo **Đinh Thiết H** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2022 bị cáo đã 03 lần cho ông **T2**, 04 lần cho anh **T3** và 01 lần cho anh **T1** vay tiền với lãi suất cao hơn nhiều lần theo quy định của Bộ luật Dân sự trong đó đối với khoản vay của ông **T2** bị cáo 01 lần thu lợi bất chính số tiền 49.041.100 đồng; 02 lần thu lợi bất chính mỗi lần số tiền 40.068.500 đồng đối với các khoản vay ngày 24/4/2021, ngày 21/5/2021 của anh **T3**; 01 lần thu lợi bất chính số tiền 31.164.400 đồng đối với khoản vay của anh **T1**. Đối với 04 lần thu lợi bất chính, mỗi lần có số tiền trên 30.000.000 đồng thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động cho chị **Lý Thị Thanh T** đã nộp số tiền 260.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để trả lại tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và để đảm bảo thi hành án; bố đẻ bị cáo là ông **Đinh Ngọc V** và mẹ đẻ bà **Nguyễn Thị H1** đều được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình (riêng tội cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự).

Về hình phạt bổ sung: bị cáo phạm các tội đều có hình phạt bổ sung phạt bằng tiền, trong đó có tội Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính bằng tiền do đó hình phạt bổ sung bằng phạt tiền cần thu hút vào hình phạt chính là thoả đáng, đồng thời phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đối với khoản tiền thu lãi mà bị đã cho ông T2, anh T3, anh T1, chị H2 vay nếu thu được đầy đủ thì có số tiền thu lợi bất chính là 255.092.900 đồng, nhưng thực tế bị cáo Đinh Thiết H chỉ thu lợi bất chính được tổng số tiền là **212.392.900 đồng**. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 463; 468 của Bộ luật Dân sự bị cáo Đinh Thiết H phải có trách nhiệm trả lại cho những người vay. Cụ thể như sau:

- + Ông Cao Đức T2 số tiền 55.608.200 đồng
- + Anh Mai Đức T3 số tiền 109.520.000 đồng
- + Chị Nguyễn Thị H2 số tiền 19.800.300 đồng
- + Anh Bùi Thanh T1 số tiền 27.464.400 đồng.

- Đối với số tiền lãi 42.700.000 đồng còn lại gồm: ông Cao Đức T2 39.000.000 đồng và của anh Bùi Thanh T1 3.700.000 đồng đang nợ lại bị cáo Đinh Thiết H. Do đây là tiền thu lợi bất chính theo quy định của pháp luật bị cáo H phải trả lại cho ông T2 và anh T1. Do ông T2, anh T1 chưa thanh toán cho bị cáo H nên bị cáo H không phải trả lại cho ông T2 và anh T1.

- Ngày 30/11/2023, chị Lý Thị Thanh T (vợ bị cáo) đã nộp số tiền 260.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình nên số tiền trên để trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Như vậy số tiền còn lại là 47.607.100 đồng (260.000.000 đồng - 212.392.900 đồng) tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[5] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.1. Biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc ông Cao Đức T2 vay của Đinh Thiết H từ ngày 01/5/2021 đến nay chưa trả; chị Nguyễn Thị H2 vay số tiền gốc còn lại 7.420.000 đồng của bị cáo H từ ngày 18/9/2020 đến nay chưa trả; tổng số tiền trên là 87.420.000 đồng đây là công cụ, phương tiện bị cáo H sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên phải bị truy thu sung ngân sách Nhà nước, truy thu số tiền trên từ ông Cao Đức T2 và chị Nguyễn Thị H2 để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 582.580.000 đồng là số tiền gốc bị cáo **Đinh Thiết H** sử dụng để cho 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội; khoản tiền lãi 39.931.600 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên bị cáo **H** phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước, tổng số tiền là 622.511.600 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

5.2. Xử lý vật chứng, tài sản:

- Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên **Đinh Thiết H** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, do quá trình điều tra xác định các vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại chiếc điện thoại di động để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Đối với 01 túi niêm phong còn nguyên vẹn, trên mặt phong bì có ghi: Mẫu vật hoàn trả gồm: Chất bột màu xanh được nghiền ra từ các viên nén màu xanh còn lại trong mẫu gửi giám định có khối lượng 45,53 gam, là ma túy loại Methamphetamine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 thùng nhựa màu trắng, tay nắm màu đen. Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Trong vụ án này đối với hành vi làm 37 tem giả và 03 vé giả của **Đinh Thiết H** có dấu hiệu của tội “Làm giả, buôn bán tem giả, vé giả” theo Điều 202 của Bộ luật Hình sự nhưng do các tem giả, vé giả **H** làm không đủ số lượng và trị giá tiền quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự vì vậy không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **H** về hành vi này. Tuy nhiên hành vi trên của **H** đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số: 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm. Đối với hành vi sử dụng 01 bộ biển kiểm soát 80A - 363.68 giả và 10 tem kiểm định giả khi lưu thông xe ô tô TOYOTA Camry biển kiểm soát 35A-177.87 của **Đinh Thiết H** đã vi phạm khoản 5 Điều 16 Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số: 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Vì vậy, ngày 26/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** đã chuyển các tem, vé giả trên cho **Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh N** và chuyển bộ biển kiểm soát 80A-363.68 cùng 10 tem giả cho **Phòng C2 Công an tỉnh N** để xử phạt vi phạm hành chính đối với **Đinh Thiết H** theo quy định.

Về hành vi mua 01 vé “phí đường bộ toàn quốc năm 2019” và 287 tem hình tròn có chữ “**Bộ C1** - Vé phí đường bộ toàn quốc” giả của **H** nhưng chưa sử dụng, do vậy không có căn cứ xử lý đối với **H** về hành vi này.

Đối với ông **Đinh Ngọc V** là chủ sở hữu của xe ô tô TOYOTA Camry, biển kiểm soát 35A-177.87 và chị **Lý Thị Thanh T**, kết quả xác định ông **V** cho **H** mượn xe ô tô trên để làm phương tiện đi lại, ông **V** không biết việc **H** mua và cất giấu trái phép ma túy trên xe ô tô; chị **Lý Thị Thanh T** được Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cấp thẻ đảng viên số 15.057911 ngày 02/9/2011, sau khi được cấp chị **T** cất thẻ đảng viên tại nhà riêng, chị **T** không biết **H** lấy thẻ đảng viên ra để làm giả. Vì vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông **V** và chị **T** là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc ma túy trên: Bị cáo **H** khai mua của người đàn ông tên là **T4** tại khu vực **đường X, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình**, do **H** không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N** không có cơ sở để điều tra, xác minh, xử lý.

[7] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249; điểm c khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”); khoản 1 Điều 55; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các Điều 357; 463; 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Đinh Thiết H** phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thiết H** 10 (mười) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy; 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/3/2023. Phạt tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để sung ngân sách Nhà nước.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo **Đinh Thiết H** trả lại tổng số tiền **212.392.900 đồng** (hai trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi hai nghìn chín trăm đồng) cho 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được đối trừ trong số tiền 260.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Cụ thể như sau:

+ Trả cho ông **Cao Đức T2** số tiền 55.608.200 đồng (năm mươi lăm triệu sáu trăm linh tám nghìn hai trăm đồng).

+ Trả cho anh **Mai Đức T3** số tiền 109.520.000 đồng (một trăm linh chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Trả cho chị **Nguyễn Thị H2** số tiền 19.800.300 đồng (mười chín triệu tám trăm nghìn ba trăm đồng).

+ Trả cho anh **Bùi Thanh T1** số tiền 27.464.400 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm đồng).

- Tiếp tục quản lý số tiền 260.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000055 ngày 30/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

3.1. Biện pháp tư pháp:

- Truy thu bị cáo **Đinh Thiết H** số tiền 622.511.600 đồng (gồm số tiền 582.580.000 đồng tiền gốc bị cáo **H** đã sử dụng vào việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và 39.931.600 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu của 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án) để sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu ông **Cao Đức T2** số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và chị **Nguyễn Thị H2** số tiền 7.420.000 đồng (bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3.2. Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo **Đinh Thiết H**: 01 giấy phép lái xe số 370070022234 mang tên **Đinh Thiết H** và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím nhưng giữ lại chiếc điện thoại di động để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi niêm phong còn nguyên vẹn, trên mặt phong bì có ghi: Mẫu vật hoàn trả gồm: Chất bột màu xanh được nghiền ra từ các viên nén màu xanh còn lại trong mẫu gửi giám định có khối lượng 45,53 gam, là ma túy, loại Methamphetamine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 thùng nhựa màu trắng, tay nắm màu đen.

(Chi tiết như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 08/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

4. Án phí: Bị cáo **Đinh Thiết H** phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao: 01 bản;
 - VKSND cấp cao: 01 bản;
 - VKSND tỉnh Ninh Bình: 03 bản;
 - Phòng Kiểm tra THA: 04 bản;
 - Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
 - Phòng PC03 Công an tỉnh: 01 bản;
 - Cơ quan thi hành hình sự Công an tỉnh: 01 bản;
 - Bị cáo: 01 bản;
 - Người có QLNVLQ đến vụ án: 06 bản;
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu tòa và HCTP: 02 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tô Văn Thịnh

